

Bản án số: 347/2024/HSPT
Ngày: 23-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Thẩm phán:

- Bà Lê Thị Thương Huyền
- Bà Đặng Mạnh Đoàn Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 300/2024/HSPT ngày 28/8/2024 đối với bị cáo Nguyễn Tấn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Tấn T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 02 tháng 11 năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 78/22/37 đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 78/22/37 đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Bảo vệ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1952 và bà Ngô Thị K, sinh năm 1955; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/01/2024, Lê Văn S điều khiển xe gắn máy kiểu dáng Wave màu xanh-đen, xe gắn biển số 59N2-102.25 chở Dương Thúy V

đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà số 469 đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, S phát hiện bên hông nhà có xe gắn máy hiệu Air Blade màu đỏ–đen, biển số 59L2–062.99 của ông Võ Thanh T2 đang dựng, không khóa xe, không có người trông coi nên S nói cho V biết. Sau đó, S chờ V vòng lại, V xuống xe đi bộ đến tiếp cận xe Air Blade màu đỏ–đen, biển số 59L2 – 062.99 và ngồi lên xe Air Blade điều khiển để S ngồi trên xe kiểu dáng Wave 59N2–102.25 dùng chân đẩy xe cho V, cả hai cùng chạy về khu vực nhà không số, ở ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. S đem xe Air Blade vào để bên hông nhà, lấy áo mưa trùm lại để tránh không bị phát hiện rồi chờ V về. Ngày 18/01/2024, S chờ V đến bãi giữ xe trước số 170/28L/8 đường B, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để gặp một người bạn tên là Lê Hoài T3. S nói cho T3 biết vừa lấy trộm được xe Air Blade màu đỏ–đen và nhờ T3 tìm chỗ để bán. Ngày 20/01/2024, T3 điện thoại trao đổi với S giới thiệu người mua xe Air Blade do S trộm cắp được với giá là 3.000.000 (ba triệu) đồng. S đồng ý bán xe nên T3 gọi điện thoại cho Nguyễn Minh T4 biết và nói rõ là có xe Air Blade vừa trộm cắp được bán với giá là 3.000.000 (ba triệu) đồng thì T4 đồng ý mua xe để bán lại cho Nguyễn Tấn T làm phương tiện đi lại. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20/01/2024, Nguyễn Minh T4 đến bên hông nhà số 02 đường N, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh gặp Lê Văn S để xem xe. Tại đây, S cho T4 biết xe gắn máy Air Blade màu đỏ–đen là do S vừa lấy trộm được nên bán với giá 3.000.000 (ba triệu) đồng. T4 đồng ý mua xe nên S chờ V, cùng T4 đi xe ôm đến trước số 673 đường N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh để bàn giao xe cho T4. Ngày 21/01/2024, Nguyễn Minh T4 đi làm gặp Nguyễn Tấn T và nói rõ cho T biết là có xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại Air Blade do trộm cắp nên xe không có chìa khóa và được bán với giá là 3.500.000 (ba triệu, năm trăm nghìn) đồng thì T đồng ý mua và hẹn khi nào có lương sẽ trả cho T4. Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 23/01/2024, T đến nhà T4 để nhận xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại Air Blade biển số 59L2–062.99 về sử dụng. Số tiền bán được xe Lê Văn S đưa 100.000 (một trăm nghìn) đồng cho Nguyễn Minh T4 để T4 đưa cho Lê Hoài T3 tiền môi giới bán xe, số tiền bán xe còn lại là 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng thì Lê Văn S và Dương Thúy V cùng nhau tiêu xài cá nhân hết. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q – Thành phố Hồ Chí Minh: Lê Văn S, Dương Thúy V, Lê Hoài T3, Nguyễn Minh T4 và Nguyễn Tấn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Sau khi sự việc bị phát hiện, Nguyễn Tấn T đã tự nguyện giao nộp lại xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, màu đỏ–đen, xe gắn biển số 59L2–062.99 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q – Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo quy định.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 06/KL–HĐĐGTS ngày 25/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự Quận D đã xác định: 01 (một) xe

gắn máy nhãn hiệu Honda, loại Air Blade màu đỏ–đen, xe gắn biển số 59L2–062.99, số khung: 4613EZ131162, số máy: JF46E6056490, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 17/01/2024 có trị giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q – Thành phố Hồ Chí Minh đã giao trả lại xe gắn máy trên cho bị hại là ông Nguyễn Thanh T5, ông T5 đã nhận lại xe và không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và cũng không có ý kiến gì khác.

Về vật chứng của vụ án:

Tạm giữ của Lê Văn S:

- 01 (một) điện thoại hiệu S1 A20, 32GB, màu đen, kiểu máy: SM-A205F/DS, số sê-ri: R58M45LDL5K, điện thoại cũ đã qua sử dụng, là điện thoại của S sử dụng để liên lạc bán xe trộm cắp được.

- 01 (một) đồng hồ kim, vỏ bằng kim loại màu vàng, trên mặt đồng hồ có chữ EMPORIO ARMANI, là tài sản cá nhân của S.

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh; 01 (một) áo khoác vải tay dài màu đen, ngực bên trái có chữ Adidas màu trắng; 01 (một) quần jeans dài màu xanh và 01 (một) đôi dép màu đen quai ngang màu nâu, tất cả là trang phục của S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (một) xe gắn máy kiểu dáng Wave màu xanh–đen, gắn biển số 59N2–102.25, số khung: VLKPCH022LK053298, số máy: VLKZS1P50FMH–00053298 do Lê Văn S sử dụng làm phương tiện phạm tội, xe do S mượn của anh ruột là Lê Văn P, nguồn gốc xe là do P mua lại của đối tượng không rõ lai lịch và không có giấy tờ mua bán. Cơ quan điều tra đã xác minh kết quả như sau: Số khung, số máy của xe không có trong cơ sở dữ liệu đăng ký xe. Xác minh biển số 59N2–102.25 thì đây là biển số của xe gắn máy SYM Fiddle II, màu trắng do bà Nguyễn Huỳnh N là chủ sở hữu, (xác minh tại địa phương nơi bà Nguyễn Huỳnh N có đăng ký hộ khẩu thường trú thì được biết bà N đã xuất cảnh định cư tại Mỹ từ năm 2011 cho đến nay, hiện không còn thực tế cư trú tại địa phương). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q – Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu xe, nhưng đến nay chưa có ai đến nhận nên tạm giữ xe chờ giải quyết.

Tạm giữ của Dương Thúy V: 01 (một) gói niêm phong có hình dấu của công ty “VBDQ SJC” Khánh Hội, bên trong có 02 (hai) nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 (một) dây bằng kim loại màu vàng; 01 (một) lắc bằng kim loại màu vàng, qua kiểm định tất cả đều là vàng giả, không có giá trị.

Tạm giữ của Lê Hoài T3:

- 01 (một) điện thoại PHILLIPS màu nâu, số IMEI 1: 865930030249918, số IMEI 2: 865930030249926, điện thoại cũ đã qua sử dụng, là điện thoại của T3 sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Tạm giữ của Nguyễn Minh T4:

- 01 (một) điện thoại IPHONE 6s Plus, màu xám, số máy: MKV32LL/A, số sê ri: F2LQQ08NGRWF, số IMEI: 353336071744628, điện thoại cũ đã qua sử dụng, là điện thoại của T4 sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Tạm giữ của Nguyễn Tấn T:

- 02 (hai) chìa khoá có phần cán nhựa màu đen có chữ HONDA, phần chìa khoá kim loại có chữ P108, đây là chìa khoá T và T4 đã làm dùng để sử dụng xe Air Blade màu đỏ–đen, biển số 59L2–062.99.

- 01 (một) điện thoại SAMSUNG S8 màu vàng, 64GB, số máy: SM–G930L, số sê ri: R39H506SAG, số IMEI: 358167070586925, điện thoại cũ đã qua sử dụng, là điện thoại cá nhân của T.

- 01 (một) USB Kingston màu đen, dung lượng 32GB, bên trong có 02 (hai) đoạn Video ghi nhận hình ảnh liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q – Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HSST ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 4, Tp .:

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: **Nguyễn Tấn T** 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, bị cáo Nguyễn Tấn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Tấn T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau xét xử bị cáo T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định, nên hợp lệ. Mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị cáo có bổ sung tài liệu mới xác nhận bản thân tham gia nghĩa vụ quân sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có công việc làm bảo vệ ổn định, có nơi cư trú rõ ràng đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Tấn T không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng bị cáo xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 7 năm 2024, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/01/2024, tại địa chỉ bên hông nhà số 469 đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Lê Văn S và Dương Thúy V đã có hành vi trộm cắp tài sản 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, màu đỏ–đen, biển số 59L2–062.99 có trị giá là 12.000.000 đồng của bị hại ông Võ Thanh T2. Bị cáo Nguyễn Minh T4 đã mua lại chiếc xe trộm cắp trên và bán lại cho bị cáo T để hưởng lợi. Bị cáo Nguyễn Tấn T biết rõ nguồn gốc xe gắn máy trên là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vì tư lợi cá nhân nên đã mua lại xe với giá là 3.500.000 đồng để dùng làm phương tiện đi lại cá nhân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Mức án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo bổ sung được tài liệu, bản thân từng tham gia nghĩa vụ quân sự đây được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp ổn định, xét không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đây cũng là lập luận để chấp nhận quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo Nguyễn Tấn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn T, sửa bản án sơ thẩm số 66/2024/HSST ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Tấn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tấn T cho Ủy ban nhân dân phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Tấn T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường

hợp phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Tấn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Tấn T không phải án phí hình sự phúc thẩm.

Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- PV06 - CA Tp.HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (1)
- TAND Quận 4; (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Công an Quận 4; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (20). (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân